

LỜI GIỚI THIỆU

Quyển CHƠN TÂM TRỰC THUYẾT là một quyển Luận sắp vào chương trình học tại Tu Viện CHƠN KHÔNG. Quyển Luận này về hình lượng rất bé bồng, nhưng về phẩm chất thật quý vô giá. Một hành giả nếu thâm đạt ý chí quyển Luận này là đã thấy lối vào Đạo.

Thiền Sư Phổ CHIẾU thật đã ngộ Chơn Tâm thấy được bản tánh. Vì lòng từ bi vô lượng, Ngài chẳng tiếc những sợi lông mày, mở cửa phương tiện để dẫn dắt kẻ hậu lai. Với chủ trương ĐỊNH TỨC HUỆ, HUỆ TỨC ĐỊNH, Ngài làm sáng tỏ đường lối tu hành của Thiền Tông.

Thích Đắc Pháp, một Thiền sinh trong Tu Viện CHƠN KHÔNG, với thời gian ba năm tu học tại đây, đã nỗ lực hạ thủ công phu, lại tiếp tay với chúng tôi phiên dịch những tác phẩm cần thiết cho Tu Viện. Tuy nhiên, một dịch phẩm đầu tiên được ra mắt đọc giả, hẳn là không tránh khỏi một vài điểm sơ sót. Nhưng đáng khích lệ, dịch giả đã cố gắng nhiều trong công tác này.

Cần có tài liệu cho Thiền sinh tại Tu Viện học tập, cũng thiết yếu đối với hành giả không có duyên đến Tu Viện và những học giả đang nghiên cứu Thiền Tông, nên Tu Viện chúng tôi cho xuất bản quyển sách bé nhỏ này.

Quyển sách này ra đời nhằm lúc phong trào học Thiền đang lên ở Việt Nam. Chúng tôi tin rằng đọc giả có thiện chí tham cứu Thiền Tông, chịu khó đọc kỹ quyển sách này, sẽ thấy nó đóng góp một phần không nhỏ cho quý vị trong những vấn đề khó khăn nhất lâu nay chưa giải quyết được. Nhất là, những vị hiểu thiền lý mà không biết làm sao thực hiện (thiền hạnh). Quý vị chịu khó nghiên ngẫm chính chắn trong đây, tự nhiên thấy cửa thiền sẽ mở rộng, mặc tình tiến bước.

Vì thấy sự lợi ích lớn lao của quyển sách này, nên chúng tôi viết ít hàng giới thiệu cùng đọc giả.

Tu Viện Chơn Không, đầu Xuân 1973
THÍCH THANH TỬ



TIÊU SỬ THIÊN SƯ PHỔ CHIẾU

(1158-1210)

Ngài Phổ Chiếu là bậc Tôn túc của Phật Giáo và cũng là thi tổ Thiên Tông ở Triều Tiên vào triều Lý. Phật Giáo Triều Tiên khoảng trung diệp triều Lý có thể nói là thời đại hoàng kim. Hàng thượng lưu thì xu hướng giáo quán của Ngài Đại Giác. Dân gian thì xu hướng theo pháp “định huệ gồm tu” do sự dẫn dắt của Thiên Sư Phổ Chiếu. Hai vị này được xem là hai đại lương đồng của Phật Giáo Cao Ly.

Hai quyển “Chon Tâm Trục Thuyết” và “Tu Tâm Quyết” này chẳng qua chỉ là hai tác phẩm nhỏ do Ngài Phổ Chiếu trước tác. Tuy nhỏ nhưng rất có giá trị và được kết tập vào Đại Tạng Kinh.

Về Thiên Tông, Ngài chủ trương: “Định tức huệ, huệ tức định”. Nhưng đặc biệt chú mục nơi “Định huệ gồm tu”.

Ngài Phổ Chiếu húy là Trí Nột, họ Trinh, hiệu Mục Ngưu Tứ. Quê Ngài ở Động Châu, Kinh Tây (ngày nay là quận Thụy Hưng, Hoàng Hải Đạo). Ngài sanh vào năm thứ 17 đời vua Nghị Tông Cao Ly. Thuở nhỏ, Ngài rất nhiều bệnh hoạn. Cha là ông Quang Ngộ thường đi chùa cầu hết bệnh cho Ngài. Tám tuổi Ngài được Thiên Sư Huy thuộc Tào Khê Tông thế độ. Tuy là ở với thầy thường, nhưng chí khí Ngài cao xa vượt chúng. Hai mươi lăm tuổi Ngài được tuyển làm tăng. Rồi sau đó Ngài đi về phương Nam đến Xương Bình ở lại chùa Thanh Nguyên. Một hôm, nơi phòng học Ngài đọc Lục Tổ Đàn Kinh ngộ được “Thể dụng của chơn như tức là định huệ”. Do vậy nên Ngài bỏ hết ý niệm danh lợi, ưa thích ở rừng núi u-nhã.

Đời vua Minh Tông năm thứ mười lăm, Ngài đi xuống vùng núi Kha Sơn ngụ tại chùa Phổ Môn để nghiên cứu Đại Tạng. Năm thứ hai mươi bảy Ngài ẩn cư tại Vô Trụ am, ở Trí Di sơn (nay là Khánh Thượng, Nam Đạo). Nơi đây cảnh trí u tịch thật là cảnh tu thiền. Một hôm, Ngài đọc Hoa Nghiêm luận của Lý Thông Huyền, Ngài biết yếu chỉ viên đốn của giáo lý Hoa Nghiêm cùng yếu chỉ Thiên Tông quyết không trái nhau. Lại đọc Thiên Nguyên Chư Thuyên Tập Đô Tự của Ngài Khuê Phong, cùng ngữ lục của Ngài Đại Huệ, Ngài bỗng nhiên “khé hội”. Xác chứng rằng định huệ không thể thiên phé.

Niên hiệu Thần Tông năm thứ ba, Ngài dời về chùa Kiết Tường ở Tùng Quảng Sơn, tu thiền đàm đạo mười một năm và chuyên an cư trong luật của Phật. Ngài thường khuyên người tụng Kinh Kim Cang. Ngài còn giảng Lục Tổ Đàn Kinh, Đại Huệ Ngữ Lục để phát huy tông yếu. Sau đó thiền học được hưng khởi, người tham học càng ngày càng đông. Ngài lấy “Định huệ gồm tu”, tổng hợp Hoa Nghiêm, Thiên Thai và Thiên Tông, nhưng trong ấy Ngài đặc biệt làm sáng tỏ Thiên Tông.

Ngài còn xây dựng Bạch Vân Tịnh xá và Tích Thúy Am ở núi Bảo Sơn, Khuê Phong Lan Nhã và Tổ Nguyệt Am ở Thụy Thạch Sơn làm chỗ vắng lai tu thiền. Nhà Vua rất kính trọng đức hạnh của Ngài và đổi hiệu núi Ngài ở là Tào Khê sơn Tu Thiền Xã. Lại còn tự đề bảng để ban cho. Ngài còn lập Định Huệ Xã và tuyên “Định Huệ Kiết Xã Văn”.

Vào tháng hai đời vua Hi Tông năm thứ sáu, Ngài bỗng nói với Xã Chúng rằng: “Ta còn trụ thế chẳng bao lâu nữa, các người phải nỗ lực”. Ngày 20 tháng 3 hiện có chút bệnh, đến ngày 27, Ngài mặc y hậu và vào pháp đường, chúc hương thẳng tòa, vấn đáp xong, Ngài ngồi đan chơn ra bỗng nhiên thị tịch.

Nhà Vua nghe tin, ban thụy hiệu là Phật Nhật Phổ Chiếu Quốc Sư. Tháp hiệu là Cam Lộ. Ngài hưởng thọ 53 tuổi, tuổi đạo được 36 hạ. Trước tác của Ngài ngoài hai tác phẩm này còn “Khuyến tu định huệ kiết xã văn”, “Khán thoại quyết nghi luận”, “Viên đốn thành Phật luận”. Ngoài ra còn “Chú thích Đại Huệ Thiền Sư thơ”, “Phê bình Khuê Phong Thiền Sư” v.v...

TỰ

Hỏi: Diệu đạo của Tổ Sư có thể được biết không?

Đáp: Người xưa há chẳng nói: “Đạo chẳng thuộc biết cùng chẳng biết”. Biết là vọng tưởng, còn chẳng biết là vô ký. Nếu đạt đến địa vị chẳng nghĩ, thì rỗng suốt như thái hư, há có thể gán cho là phải quấy ư?

Hỏi: Thế thì chư Tổ ra đời không ích lợi cho quần sanh sao?

Đáp: Phật, Tổ ra đời không có một pháp cho người, chỉ cần yếu là chúng sanh phải tự thấy bản tánh của mình. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Biết tất cả pháp tức là tự tánh của tâm, sự thành tựu huệ thân chẳng do nơi khác mà ngộ”. Cho nên Phật, Tổ không khiến người mắc lầy trong văn tự, chỉ cần yếu phải thôi dứt để thấy bản tâm mình. Do đó nhập môn Đức Sơn liền bị đánh, nhập môn Lâm Tế liền nhận hét. Đã là một sự dò xét thái quá như thế, sao lại lập ngữ ngôn ư?

Hỏi: Xưa nghe Ngài Mã Minh tạo luận Khởi Tín, Lục Tổ nói Đàn Kinh, Hoàng Mai truyền Bát Nhã, đều là dùng tiệm thứ cho người, đâu không dùng phương tiện chỉ pháp ư?

Đáp: Trên đỉnh núi Diệu Cao từ xưa tới nay chẳng cho thương lượng. Nhưng đầu non thứ hai, chư Tổ tóm lược dung hòa cho nói cho hiểu.

Hỏi: Xin hỏi đầu non thứ hai là lược bày phương tiện ư?

Đáp: Đúng thay lời nói này. Đạo lớn mâu nhiệm mà rộng rãi, chẳng phải có chẳng phải không. Chơn tâm u vi dứt nghĩ dứt bàn. Cho nên người chẳng từ cửa đó mà vào, tuy tìm xét năm ngàn tạng giáo cũng chẳng là người thấu suốt chơn tâm. Chỉ nói ra một lời để so sánh thì sớm trở thành pháp dư thừa. Nay chẳng tiếc mi mao (lông mày) kính viết mấy chương để phát minh chơn tâm, hầu làm căn bản lần hồi vào Đạo.

WP: Mỹ Hồ



CHƠN TÂM TRỰC THUYẾT

1. Chánh tín Chơn Tâm Kinh Hoa Nghiêm

Nói: “Tín là nguồn của Đạo, là mẹ của các công đức hay nuôi lớn tất cả căn lành”. Trong Duy Thức cũng nói: “Tín như hạt châu thủy thanh, hay làm cho nước dơ được sạch”. Cho nên, muôn điều thiện phát sanh là chữ tín dẫn đầu. Vì thế kinh Phật trước hết lập “như thị ngã văn” là cốt để sanh lòng tin vậy.

Hỏi: Chữ tín của Giáo môn (Kinh) và chữ tín của Tổ môn (Thiền) có gì sai khác?

Đáp: Có nhiều loại sai khác nhau: Giáo môn khiến người, trời tin ở nhơn quả. Như có người thích phước lạc, tin thập thiện là diệu nhơn, cõi người cõi trời là lạc quả. Có người thích không tịch, tin nhơn duyên sanh diệt làm chánh nhơn, khổ tập diệt đạo làm thánh quả. Có người thích Phật quả, tin ba kiếp sáu độ làm đại nhơn, bồ đề niết bàn làm chánh quả.

Tổ môn chánh tín chẳng đồng như trên. Tổ môn chẳng tin tất cả pháp hữu vi nhơn quả. Chỉ tin ở tự mình xưa nay là Phật, tự tánh thiên chơn người người đều đầy đủ. Diệu thể của niết bàn mỗi mỗi đều viên thành, chẳng nhờ cầu nơi người khác, từ xưa đến nay nó tự đầy đủ. Tam Tổ nói: “Tròn bằng thái hư, không thiếu không dư. Sở dĩ chẳng như, bởi do thủ xả”. Ngài Chí Công nói: “Trong thân có tướng là thân không tướng, trên đường vô minh là đường vô sanh”. Ngài Vĩnh Gia nói: “Thật tánh của vô minh là Phật tánh, thân huyễn hóa không thật tức pháp thân”. Cho nên, chúng sanh xưa nay là Phật.

Đã sanh chánh tín cần phải thêm hiểu biết nữa mới được. Ngài Vĩnh Minh nói: “Tin mà chẳng hiểu biết thì thêm lớn vô minh. Hiểu biết mà chẳng tin thì thêm lớn tà kiến”. Cho nên, tin hiểu gồm hai thì mau vào Đạo.

Hỏi: Mới phát lòng tin chưa được vào Đạo, có lợi ích chăng?

Đáp: Trong luận Khởi Tín nói: “Nếu nghe pháp này mà chẳng sanh khiếp nhược, thì nên biết, người này nhất định sẽ nói hạt giống Phật, và được chơn Phật thọ ký cho. Thí như có người giáo hóa chúng sanh đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới, khiến họ hành thập thiện, chẳng bằng có người đối với pháp này khoảng một niệm chánh tư duy thì công đức cũng hơn người trước không thể thí dụ được”. Trong Kinh Bát Nhã nói: “Cho đến người chỉ sanh một niệm tịnh tín, Như Lai trọn thấy biết các chúng sanh này được vô lượng phước đức như vậy”. Cho nên muốn đi ngàn dặm, bước đầu cần phải chánh, bước đầu nếu sai ngàn dặm đều sai. Vào nước vô vi, niềm tin ban đầu đã mất, muôn thiện đều lui. Cho nên Tổ Sư nói: “Mảy may nếu sai, trời đất ngăn cách”. Đây là lý này vậy.

2. Tên khác của Chơn Tâm

Hỏi: Đã sanh chánh tín, nhưng chưa biết thế nào gọi là chơn tâm?

Đáp: Lìa vọng gọi là chơn. Linh giám gọi là tâm. Trong Kinh Lăng Nghiêm đã nói rõ tâm này.

Hỏi: Chỉ gọi chơn tâm thôi, hay có tên riêng khác nữa chăng?

Đáp: Phật dạy, Tổ dạy lập danh không đồng nhau. Phật dạy trong Bồ Tát Giới gọi là Tâm Địa, vì hay phát sanh muôn việc thiện. Kinh Bát Nhã gọi là Bồ Đề,

vì lấy giác làm thể. Kinh Hoa Nghiêm gọi là Pháp Giới, vì giao triệt và dung nhiếp. Kinh Kim Cang gọi là Như Lai, vì không từ đâu đến. Kinh Bát Nhã gọi là Niết Bàn, vì là chỗ qui hướng của chư Thánh. Kinh Kim Quang Minh gọi là Như Như, vì chơn thường bất biến. Kinh Tịnh Danh gọi là Pháp Thân, vì là chỗ nương của báo thân và hóa thân. Luận Khởi Tín gọi là Chơn Như, vì chẳng sanh chẳng diệt. Kinh Niết Bàn gọi là Phật Tánh vì là bản thể của ba thân. Kinh Viên Giác gọi là Tổng Trì, vì mọi công đức từ đó mà lưu xuất, Kinh Thắng Man gọi là Như Lai Tạng, vì ẩn phú và hàm nhiếp. Kinh Liễu Nghĩa gọi là Viên Giác, vì hay chiếu phá mờ tối.

Do đây nên Ngài Vĩnh Minh Thiền Sư trong Duy Tâm Quyết nói: “Một pháp có ngàn tên, tùy theo duyên mà lập hiệu”. Tất cả còn đầy đủ trong các Kinh, không thể kể ra hết được.

Hỏi: Phật dạy đã biết, Tổ dạy như thế nào?

Đáp: Cửa Tổ Sư dứt tuyệt danh ngôn, danh còn chẳng lập, sao lại có nhiều tên? Chỉ vì ứng theo cơ duyên nên tên cũng lắm. Có lúc gọi là Tụ Kỳ, vì là bản tánh của chúng sanh. Có lúc gọi là Chánh Nhân, vì hay soi tướng của muôn loài. Có lúc gọi là Diệu Tâm, vì hư linh và tịch chiếu. Có lúc gọi là Chủ Nhơn Ông, vì xưa nay từng gánh vác. Có lúc gọi là Đòn không dây, vì hiện nay ra diệu vận. Có lúc gọi là Vô tận đấng, vì hay chiếu phá mê tình. Có khi gọi là Cây không rễ, vì gốc rễ bền chắc. Có khi gọi là Suy mao kiếm, vì hay chặt đứt căn trần. Có lúc gọi là Nước vô vi, vì sóng êm bể lặng. Có lúc gọi là Mâu ni châu, vì hay giúp đỡ người nghèo khó. Có lúc gọi là Vô nhu tỏa, vì cửa sáu tình đóng. Cho đến nào là trâu đất, ngựa gỗ, tâm nguyên, tâm ấn, tâm cảnh, tâm nguyệt, tâm châu, v.v... nhiều tên khác nhau không thể ghi ra cho hết. Nết đạt được chơn tâm thì các tên đều hiểu cả. Bằng mê muội chơn tâm thì còn bị trệ nơi các tên. Cho nên đối với chơn tâm cần yếu nên xét kỹ.

3. Diệu thể của Chơn tâm

Hỏi: Chơn tâm đã biết, còn thể nó như thế nào?

Đáp: Trong Kinh Phóng Quang Bát Nhã nói: “Bát Nhã không có tướng có và tướng sanh diệt”. Luận Khởi tín nói: “Tự thể của chơn như, tất cả phàm phu, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và chư Phật đều không thêm bớt, cũng chẳng phải trước sanh sau diệt mà rốt ráo thường còn. Từ xưa tới nay tánh nó tự đầy đủ tất cả công đức”.

Căn cứ theo các Kinh Luận thì bản thể chơn tâm siêu xuất nhơn quả, thông suốt cổ kim, chẳng lập phàm thánh và không có các đối đãi. Như hư không biến khắp tất cả. Diệu thể ngưng tịch, dứt hết các hí luận, chẳng sanh chẳng diệt, phi hữu phi vô, chẳng động chẳng lay, trạm nhiên thường trụ. Gọi là Chủ Nhơn Ông ngày xưa, là người ở mé kia của Phật Oai Âm, là Tụ Kỳ của trước Không Kiếp. Một giống thường hằng không một mảy may tí vết, tất cả sơn hà đại địa, cỏ cây rừng bụi, vạn tượng sum la, các pháp nhiệm tịnh, đều từ trong ấy mà ra. Cho nên Kinh Viên Giác nói: “Này các Thiện nam, Vô Thượng Pháp Vương có

một pháp môn đại đà la ni gọi là Viên Giác, từ đó lưu xuất tất cả thanh tịnh Chơn Như, Bồ Đề, Niết Bàn và Ba La Mật, dạy dỗ cho các Bồ Tát”.

Ngài Khuê Phong nói: “Tâm ấy rộng rang mà thuần diệu, rực rỡ mà màu sáng, chẳng đến chẳng đi, thông suốt cả ba mé, chẳng phải trong ngoài, suốt khắp mười phương. Chẳng sanh chẳng diệt, bốn núi nào có thể hại. Lìa tánh lìa tướng, nào bị năm sắc làm mờ”.

Ngài Vĩnh Minh trong Duy Tâm Quyết nói: “Xét về tâm này là cái diệu trong lẽ màu mà hội khắp, là vua của muôn pháp. Ba thừa năm tánh đều thâm về, hay là mẹ của nghìn bậc Thánh. Độc tôn độc quý không gì sánh bằng. Thật là nguồn của đại đạo, là chơn pháp yếu vậy. Tin tâm này, nên ba đời Bồ Tát đồng học là học tâm này. Ba đời Bồ Tát đồng chứng là chứng tâm này. Một đại tạng giáo giải rõ là hiển tâm này. Tất cả chúng sanh mê vọng là mê tâm này. Tất cả hành nhơn phát ngộ là ngộ tâm này. Chư Tổ truyền nhau là truyền tâm này. Chư tăng trong thiên hạ đều tham học là tham học tâm này. Đạt tâm này thì mỗi mỗi đều phải, vật vật đều toàn bày. Mê tâm này thì nơi nơi đều điên đảo, niệm niệm đều si cuồng”.

Thế này là cái Phật tánh sẵn có của tất cả chúng sanh, là căn nguồn phát sanh của tất cả thế giới. Cho nên Đức Thế Tôn ở ngọn Thửu Phong lặng thình, Ngài Thiện Hiện dưới ngọn núi quên lời, Ngài Đạt Ma nơi Thiếu Thất ngó vách, ông cư sĩ thành Tỳ Da ngậm miệng. Tất cả đều phát minh cái diệu thể của tâm này. Cho nên, người mới vào cửa Tổ, cần yếu trước tiên phải hiểu tâm thể này vậy.

4. Diệu dụng của Chơn tâm.

Hỏi: Diệu thể của chơn tâm đã biết. Diệu dụng của chơn tâm thế nào?

Đáp: Người xưa nói: “Gió động cây tâm lay, mây sanh tánh dấy bụi. Nếu sáng, rõ việc hôm nay. Nếu mê, mất người xưa nay”. Đây là diệu thể khởi ra tác dụng vậy. Diệu thể của chơn tâm xưa nay chẳng động, yên tịnh chơn thường. Trên chơn thể diệu dụng hiện tiền, chẳng ngại mọi trường hợp đều được diệu. Cho nên trong bài tụng của Tổ Sư nói: “ Tâm tùy muôn cảnh chuyển, chỗ chuyển thật sâu xa, theo dòng nhận được tánh, không mừng cũng không lo”.

Cho nên trong tất cả thời, động dụng thi vi, đi đông đi tây, ăn cơm mặc áo v.v. đều là diệu dụng hiện tiền. Trái lại kẻ phàm phu mê lầm, khi mặc áo chỉ biết mặc áo, khi ăn cơm chỉ biết ăn cơm, tất cả sự nghiệp chỉ tùy tướng mà chuyển. Bối dùng hằng ngày mà chẳng biết, ở trước mắt mà chẳng hay. Nếu người được tánh thì động dụng thi vi chẳng từng mê. Cho nên Tổ Sư nói: “Trong thai gọi là thân, ở đời gọi là người, ở mắt thì thấy, ở tai thì nghe, ở mũi thì ngửi mùi, ở miệng thì đàm luận, ở tay thì nắm bắt, ở chân thì chạy nhảy. Khi biến hiện thì cùng khắp pháp giới, thu nhiếp lại thì chỉ trong hạt bụi. Người biết cho đó là Phật tánh, người chẳng biết gọi là tinh hồn”.

Thế nên Đạo Ngô múa hót, Thạch Củng dương cung, Bí Ma đập nạn, Câu Chi dơ ngón tay, Hân Châu đánh đất, Vân Nham sư tử. Đây là phát minh ra những đại dụng lớn vậy. Nếu việc hằng ngày chẳng mê thì tự nhiên tung hoành tự tại.

5. Thể dụng của Chơn tâm một hay khác?

Hỏi: Thể dụng của chơn tâm chưa biết là một hay khác?

Đáp: Đúng về mặt tướng thì chẳng phải một. Đúng về mặt tánh thì chẳng phải khác. Cho nên thể dụng của tâm này chẳng phải một chẳng phải khác. Tại sao thế? Thử vì ông bàn đó:

Điều thể thì bất động, dứt mọi đối đãi và lia tất cả tướng. Người chưa đạt tánh khế chúng không thể lường được lý này.

Điều dụng thì duyên ứng khắp muôn loài, vọng lập ra tướng hư, giống như có hình trạng. Nhắm vào hữu tướng, vô tướng này nên chẳng phải một. Lại, dụng từ thể phát ra, dụng không lia thể. Thể hay phát dụng, thể chẳng lia dụng. Nhắm vào cái lý bất tương ly này, nên chẳng phải khác. Như nước lấy tánh ướt làm thể, thể thì không động. Sóng lấy động làm tướng, vì như gió mà dậy khởi. Tánh nước, tướng sóng, động với chẳng động, nên chẳng phải một. Nhưng ngoài nước không có sóng, ngoài sóng không có nước. Tánh ướt là một nên chẳng phải khác. Xét trên thể dụng một hay khác có thể biết vậy.

6. Chơn tâm trong mê.

Hỏi: Thể dụng của chơn tâm mọi người đều có đủ. Vì sao nơi thánh phàm chẳng đồng?

Đáp: Nơi thánh phàm chơn tâm vốn đồng, vì phàm phu vọng tâm nhận vật, nên mất tự tánh thanh tịnh, do đây bị ngăn cách. Thế nên chơn tâm không được hiện tiền. Ví như bóng cây trong tối, dòng nước chảy ngầm dưới đất; có nhưng không biết.

Trong Kinh nói: “Này thiện nam tử! Như viên thanh tịnh bảo châu chiếu ra năm sắc, tùy chỗ mà hiện. Kẻ ngu si thấy ma ni châu kia thật có năm sắc. Thiện nam tử! Tánh viên giác hiện ở thân tâm, tùy loại mà có ứng hiện. Kẻ ngu si kia nói tánh tịnh viên giác thật có thân tâm như thế. Tự tánh cũng lại như vậy”. Trong Triệu Luận nói: “Bên trong của càn khôn, khoảng giữa của vũ trụ, trong ấy có một vật báu ngậm dấu trong hình sơn”. Đây là chơn tâm tại triền vậy. Lại Từ Ân nói: “Pháp thân sẵn có của chư Phật đều đồng. Phàm phu bị vọng che, nên có mà chẳng biết. Phiền não cột ở trong nên gọi Như Lai tàng”. Bùi Hư nói: “Suốt ngày viên giác mà chưa từng viên giác, ấy là phàm phu vậy”. Cho nên, chơn tâm tuy ở trần lao mà không bị trần lao làm nhiễm. Như bạch ngọc ném vào bùn, màu sắc nó không đổi.

7. Chơn tâm và sự dứt vọng.

Hỏi: Chơn tâm nơi vọng là phàm phu. Vậy làm thế nào thoát vọng để thành Thánh?

Đáp: Người xưa nói: “Vọng tâm không chỗ nơi tức là bồ đề, niết bàn và sanh tử vốn bình đẳng”.

Kinh nói: “Chúng sanh kia thân huyễn diệt, nên tâm huyễn cũng diệt. Tâm huyễn diệt, nên huyễn trần cũng diệt. Huyễn trần diệt, nên huyễn diệt cũng diệt. Huyễn diệt, diệt rồi, nên cái phi huyễn chẳng hề diệt. Ví như lau gương, bụi nhơ hết thì ánh sáng hiện”.

Ngài Vĩnh Gia nói: “Tâm là căn, pháp là trần. Cả hai như vết nhơ trên gương, vết nhơ hết, ánh sáng mới hiện. Tâm pháp đều quên, tánh ấy tức chơn”. Đây là ra khỏi vọng thì thành chơn.

Hỏi: Trang Sanh nói: “Tâm ấy nóng thì cháy lửa, lạnh thì đặc nước, mau thì khoảng cúi ngược, lại hay vỗ về ngoài bốn bề, chỗ ở của nó sâu mà tinh. Khi nó động thì huyền mà thiên. Đây là chỉ cho tâm của con người vậy”. Trang Sanh nói cái tâm của kẻ phàm phu không thể trị phục như thế. Chưa biết nhà Thiên dùng phương pháp gì để điều phục vọng tâm?

Đáp: Lấy pháp vô tâm để trị vọng tâm.

Hỏi: Người vô tâm chẳng khác cây cỏ. Xin lập bày phương tiện về thuyết vô tâm.

Đáp: Nay nói vô tâm ấy, chẳng phải thể của nó vô tâm mà gọi là vô tâm. Chỉ trong tâm không vật nên gọi là vô tâm. Thí như nói: bình không, là do trong bình không có vật gì, nên gọi là bình không. Chớ chẳng phải thể của bình là không nên gọi là bình không.

Cho nên Tổ Sư nói: “Người chỉ nơi tâm vô sự, ở nơi sự vô tâm, thì tự nhiên rộng mà mau, tịnh mà diệu”. Đây là yếu chỉ của tâm vậy.

Căn cứ đây mà xét thì không vọng tâm, chớ không phải không có chơn tâm diệu dụng. Từ xưa đến nay chư Tổ đã nói đến thực hành công phu vô tâm, chủng loại không đồng nhau. Nay đại khái tóm nêu ra mười loại:

1-Giác Sát: Nghĩa là khi hành công phu, bình thường phải dứt niệm và đề phòng niệm khởi. Một niệm vừa sanh liền dùng giác mà phá nó. Vọng niệm phá rồi, biết niệm sau chẳng sanh, cái giác trí này cũng không dùng tới nữa. Lúc ấy, vọng giác đều mất, nên gọi là vô tâm.

2-Hưu Kiệt: Nghĩa là khi hành công phu chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, tâm vừa khởi liền thôi, gặp duyên liền dứt. Người xưa nói: “Một mảnh lụa trắng đi! Lạnh như đất đi! Lò hương trong miếu cỏ đi! Thăng đến chỗ dứt lìa không còn một mảy may phân biệt, như ngậy như đại, mới có chút phần tương ưng”. Đây là công phu hưu kiệt vọng tâm vậy.

3-Dẫn tâm tồn cảnh (tâm mất cảnh còn): Nghĩa là khi hành công phu, nên dứt hết tất cả vọng niệm. Chẳng đoái đến ngoại cảnh chỉ tự dứt tâm mình thôi. Vọng tâm đã dứt lo gì có cảnh. Đây là pháp môn mà người xưa gọi là “Đoạt nhơn bất đoạt cảnh”. Cho nên ngạn ngữ có câu: “Nơi đây đầy hoa thơm cỏ lạ mà người xưa không có”. Bàn Công nói: “Chỉ tự mình vô tâm với muôn vật, lo gì muôn vật thường khuấy phá”. Đây là công phu dứt vọng “hết tâm còn cảnh”.

4-Dẫn cảnh tồn tâm (cảnh hết còn tâm): Nghĩa là khi hành công phu, đem tất cả cảnh trong, cảnh ngoài đều quán là không-tịch, chỉ còn lại một tâm độc lập một mình. Cho nên người xưa nói: “Chẳng cùng muôn pháp làm bạn, cũng chẳng cùng các trần đối đãi” (Bất dữ vạn pháp vi lữ, bất dữ chư trần tác đối). Tâm nếu chấp cảnh tức là vọng, nay đã không cảnh thì vọng nào có được? Đây là chơn tâm độc chiếu chẳng chướng ngại nơi đạo. Tức người xưa gọi là pháp môn “Đoạt cảnh bất đoạt nhơn”. Cho nên có câu: “Vườn trên hoa đã rụng, xe ngựa vẫn còn đây”.

Lại cũng có câu: “Ba ngàn kiếm khách nay đâu tá, chỉ kể Trang Châu định thái bình”. Đây là công phu dứt vọng “hết cảnh còn tâm”.

5-Dẫn tâm dẫn cảnh (tâm hết cảnh hết): Nghĩa là khi hành công phu, trước quán ngoại cảnh đều không-tịch, kế đó diệt nội tâm. Khi nội tâm ngoại cảnh đều lặng thì vọng từ đâu mà có được. Cho nên Quán Khê nói: “Mười phương không vách đồ, bốn phía cũng không cửa, sạch trội trơn, bày tro tro”. (Thập phương vô bích lạc, tứ diện diệc vô môn, tịnh khóa khóa, xích sái sái). Tức pháp môn mà người xưa gọi: “Nhơn cảnh lưỡng câu đoạt”. Cho nên có câu: “Mây tan nước trôi chảy, lặng lẽ trời đất không”. Lại có câu: “Người trâu đều chẳng thấy, chính là lúc vàng trắng trong”. Đây là công phu dứt vọng “tâm dứt cảnh dứt”.

6-Tồn tâm tồn cảnh (còn tâm còn cảnh): Nghĩa là khi hành công phu, để tâm trụ trong vị trí của tâm, cảnh trụ vị trí của cảnh (tâm trụ tâm vị, cảnh trụ cảnh vị). Có khi tâm và cảnh đối nhau, thì tâm chẳng thủ cảnh, cảnh chẳng đến tâm, mỗi mỗi chẳng đến nhau, tự nhiên vọng niệm chẳng sanh, nơi đạo chẳng ngại. Cho nên Kinh nói: “Pháp ấy trụ nơi bản vị của nó. Tướng của thế gian thường trụ”. (Thị pháp trụ pháp vị, Thế gian tướng thường trụ). Tức là pháp môn “Nhơn cảnh câu bất đoạt” của Tổ Sư. Cho nên có câu: “Một mảnh trăng rộng chiếu, bao nhiêu người lên lầu”. Lại cũng có câu: “Hoa núi ngàn muôn đóa, khách lãng du chẳng biết về”. Đây là công phu diệt vọng “còn tâm còn cảnh”.

7-Nội ngoại toàn thể: Nghĩa là khi hành công phu, quán thấy sơn hà đại địa, trời trăng sao, nội thân ngoại thân, tất cả các pháp đều đồng một thể chơn tâm trạm nhiên hư minh, không tí sai khác. Đại thiên sa giới gồm thành một mảnh, lại ở chỗ nào khởi vọng tâm? Cho nên Triệu Pháp Sư nói: “Trời đất cùng ta đồng nguồn, muôn vật cùng ta đồng thể”. Đây là công phu diệt vọng “nội ngoại toàn thể”.

8-Nội ngoại toàn dụng: Nghĩa là khi hành công phu, đem tất cả thân tâm trong ngoài, các pháp trong thế giới, và tất cả động dụng thi vi, trọn thấy là diệu dụng của chơn tâm. Tất cả tâm niệm vừa sanh là diệu dụng hiện tiền, vọng tâm chỗ nào mà an trí. Cho nên Vĩnh Gia nói: “Thật tánh của vô minh là Phật tánh, thân không huyền hóa tức pháp thân” (vô minh thật tánh tức Phật tánh, huyền hóa không thân tức pháp thân). Trong Chí Công Thập Nhị Thời Ca nói: “Thường buổi sớm, máy cuồng ẩn chứa Đạo Nhơn thân, ngồi nằm chẳng biết nguyên là đạo, chỉ thể luống mà chịu đắng cay”. Đây là công phu dứt vọng “nội ngoại toàn dụng”.

9-Tức thể tức dụng: Nghĩa là khi hành công phu, tuy thâm hợp với chơn thể, chỉ một vị không-tịch, nhưng mà nơi trong ẩn một cái linh minh, nên thể tức dụng. Trong cái linh minh ẩn cái không-tịch, nên dụng tức thể. Cho nên Vĩnh Gia nói: “Tĩnh tĩnh lặng lặng phải, tĩnh tĩnh vọng tưởng quấy. Lặng lặng tĩnh tĩnh phải, vô ký lặng lặng sai”. (Tĩnh tĩnh tịch tịch thị, tĩnh tĩnh vọng tưởng phi. Tịch tịch tĩnh tĩnh thị, tịch tịch vô ký phi). Đã trong cái lặng lẽ không dụng vô ký, trong cái tĩnh táo không dụng loạn tưởng, thì vọng tâm làm sao sanh được? Đây là công phu diệt vọng “tức thể tức dụng”.

10-Thấu xuất thể dụng: Nghĩa là khi hành công phu, chẳng phân trong ngoài, chẳng phân biệt đông tây, nam bắc. Đem bốn phương tám mặt, chỉ làm một môn “đại giải thoát viên đà đà địa”. Thể dụng chẳng phân, không một mảy may rĩ

lậu. Suốt thân gồm thành một mảnh, vọng kia chỗ nào khởi được? Người xưa nói: “Suốt thân không đường nứt, trên dưới đều tròn trịa”. Đây là công phu diệt vọng “thâu xuất thể dụng”.

Các phương pháp công phu trên chẳng nên dùng cả, mà chỉ dùng một môn cho được thành tựu, thì cái vọng tâm kia tự nhiên tiêu diệt, chơn tâm hiện tiền. Tùy căn cơ đã huân tập từ trước, xem thích hợp với pháp nào, nên tập pháp đó. Công phu ở đây là không công mà công, chẳng để tâm dụng sức. Cái pháp môn thôi dứt vọng tâm này rất tối trọng yếu. Pháp môn diệt vọng còn nhiều, sợ văn rườm nên chỉ lược thôi.

8. Chơn tâm với bốn oai nghi.

Hỏi: Trên đã nói cách dứt vọng, nhưng chưa biết chỉ ngồi tập hay thông cả bốn oai nghi?

Đáp: Các kinh luận phần nhiều nói ngồi tập, vì ngồi dễ thành công hơn, nhưng cũng thông cả bốn oai nghi, tập lần lần rồi từ từ được thuần thực. Luận Khởi Tín nói: “Người tu CHỈ, nên ở chỗ tịnh ngồi ngay thẳng giữ ý chơn chánh. Chẳng nương tựa vào hơi thở, chẳng nương vào hình sắc, chẳng nương vào không, chẳng nương vào đất nước gió lửa. Cho đến chẳng nương vào thấy nghe hay biết. Tất cả các tướng tùy niệm đều trừ, cũng nên dẹp luôn cái tướng trừ, vì tất cả pháp xưa nay vốn vô tướng, niệm niệm chẳng sanh, niệm niệm chẳng diệt. Cũng chẳng được tùy tâm niệm cảnh giới bên ngoài. Sau rút lấy tâm trừ tâm, tâm nếu chạy rong liền kéo về trụ nơi chánh niệm. Chánh niệm là chỉ có tâm chớ không có cảnh giới bên ngoài. Lại tâm này cũng không có tự tướng, niệm niệm không thật có. Nếu từ ngồi, đứng, đi lại, tới lui, tất cả động tác thi vi, trong tất cả thời thường nhớ phương tiện tùy thuộc mà quán sát, tập lâu ngày được thuần thực thì tâm ấy được an trụ. Do tâm an trụ nên lần lần bén nhạy. Thuận theo đó mà được nhập vào “chơn như tam muội”. Dẹp sạch phiền não, lòng tin tăng trưởng, mau thành quả bất thối. Chỉ trừ hạng người nghi hoặc chẳng tin, bài báng, tội nặng, nghiệp chướng, ngã mạn, giải đãi. Những hạng người này chẳng đặng vào”. Theo đây mà xét thì thông cả bốn oai nghi.

Kinh Viên Giác nói: “Trước nương theo hạnh Xa-ma-tha (Chỉ) của Như Lai, kiên trì cấm giới, yên ở trong đồ chúng, yên ngồi trong tịnh thất”. Đây là mới tập. Vĩnh Gia nói: “Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền. Nói nín động tịnh thể an nhiên”. Đây là thông cả bốn oai nghi.

Tóm lại, dùng sức ngồi còn chẳng thể dứt được tâm, huống là đi đứng v.v... há hay vào đạo ư? Nếu là người dụng tâm thuần thực, thì ngàn thánh đi đến còn chẳng đứng dậy, muôn loài ma kéo lại còn chẳng thềm nhìn. Huống là trong đi đứng... chẳng hay hành công phu sao? Như người oán thù kẻ khác, nhẫn đến đi đứng, ngồi nằm, ăn uống... trong tất cả thời còn không thể quên được. Sự thương, mến kẻ khác cũng lại như thế. Vả lại, việc yêu ghét là việc hữu tâm, còn ở trong hữu tâm hiện tiền được. Nay hành việc công phu là việc vô tâm, lại nghi gì ở trong bốn oai nghi chẳng thường hiện tiền ư? Chỉ sợ chẳng tin chẳng làm, nếu làm nếu tin, thì trong các oai nghi đạo ắt hiện tiền.

9. Chỗ ở của chơn tâm.

Hỏi: Dứt vọng tâm thì chơn tâm hiện. Nói thể thì thể dụng của chơn tâm nay ở chỗ nào?

Đáp: Diệu thể của chơn tâm khắp cả chỗ. Vĩnh Gia nói: “Chẳng rời hiện tại thường lặng lẽ. Còn tìm tức biết anh chưa thấy”. Kinh nói: “Tánh như hư không thường chẳng động, trong Như Lai Tạng chẳng khởi, chẳng diệt”. Đại Pháp Nhãn nói: “Nơi nơi đường bồ đề, chón chón rừng công đức”. Đây là chỗ ở của thể.

Diệu dụng của chơn tâm tùy cảm tùy hiện, như vang theo tiếng. Pháp Đăng nói: “Xưa nay theo chẳng rời, rõ ràng nơi trước mặt. Cụm mây sanh hang tối. Cô hạt đáp trời xa”.

Trong Hoa Nghiêm Sớ của Ngụy Phủ Nguyên nói: “Phật pháp ở chỗ việc hằng ngày, chỗ đi đứng ngồi nằm, chỗ ăn cơm uống trà, chỗ nói năng hỏi đáp. Các hành động ấy mà khởi tâm động niệm thì không phải”.

Cho nên, thể thì biến khắp mọi nơi, trọn hay khởi dụng. Chỉ vì nhân duyên có, không chẳng nhứt định, cho nên diệu dụng cũng chẳng định, chớ chẳng phải không diệu dụng. Người tu tâm muốn vào biển vô vi độ các sanh tử, chớ mê lầm chỗ ở của thể dụng chơn tâm.

10. Chơn tâm và việc sanh tử.

Hỏi: Thường nghe người kiến tánh ra khỏi sanh tử, nhưng từ xưa chư Tổ là người kiến tánh sao đều có sanh tử? Nay hiện thấy người tu trong đời đều có chết sống. Thế sao nói rằng ra khỏi sanh tử?

Đáp: Sanh tử vốn không, do vọng nên thấy có. Như người đau mắt thấy trong hư không có hoa đốm. Người không đau nói trong hư không chẳng có hoa. Người đau mắt không tin. Nếu mắt hết đau thì cái thấy hoa trong hư không cũng tự hết. Lúc ấy mới tin rằng hoa vốn không. Lúc hoa chưa diệt, hoa kia cũng không. Chỉ người bệnh vọng chấp là hoa, chớ chẳng phải thể nó thật có.

Như người vọng nhận sanh tử là có thật. Nếu người không sanh tử bảo rằng “vốn không sanh tử”. Một mai người ấy vọng dứt, sanh tử tự trừ, mới biết việc sanh tử xưa nay vốn là không. Ngay lúc sanh tử chưa dứt cũng chẳng phải thật có. Do vọng nên nhận có sanh tử thôi.

Kinh nói : “Thiện nam tử, tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay điên đảo nhiều lớp. Như người mê bốn hướng, đổi chỗ. Vọng nhận tứ đại làm tướng của tự thân, sáu trần duyên bóng làm tướng của tự tâm. Ví như người đau mắt thấy hoa giữa hư không. Cho đến các hoa đốm ấy diệt trong hư không. Không thể nói quyết rằng có chỗ diệt. Vì sao? Vì không chỗ sanh vậy. Tất cả chúng sanh nơi vô sanh vọng thấy có sanh diệt. Cho nên gọi là luân chuyển sanh tử”.

Cứ theo Kinh này tin biết rằng đạt ngộ chơn tâm vốn không sanh tử. Nay biết không sanh tử mà không thể thoát sanh tử, vì công phu không đến vậy. Cho nên trong Kinh nói: “Am bà nữ hỏi Văn Thù rằng: Rõ biết sanh là pháp chẳng sanh, vì sao lại bị sanh tử trôi đi? – Văn Thù đáp: Vì sức kia chưa đầy đủ”.

Sau này Tiễn Sơn chủ hỏi Tu Sơn chủ rằng: “Rõ biết sanh là pháp chẳng sanh, vì sao lại bị sanh tử trôi đi? Tu Sơn chủ đáp: Măng trọt thành tre. Như nay khiến làm phen đượ”. Thế nên “Biết” không sanh tử, chẳng như “Thể” không sanh tử. Thể không sanh tử chẳng như “Khế” không sanh tử. Khế không sanh tử chẳng như

“Dụng” không sanh tử. Người nay còn chẳng biết không sanh tử, huống là thể không sanh tử, kẻ không sanh tử, dụng không sanh tử? Người nhận sanh tử, không tin pháp không sanh tử cũng vậy.

11. Chơn tâm và chánh trợ.

Hỏi: Như trước đã nói dứt vọng thì chơn tâm hiện tiền. Khi vọng chưa dứt, thì chỉ hành công phu vô tâm để hết vọng. Lại còn có pháp nào khác có thể đối trị các vọng không?

Đáp: Có chánh tu và trợ tu sai khác nhau. Lấy vô tâm dứt vọng làm chánh, lấy các hành động lành làm trợ. Thí như gương sáng bị bụi che lấp, lấy sức tay lau chùi, nhưng cũng cần thêm thuốc để chùi thì ánh sáng mới dễ hiện. Bụi nhỏ là phiền não. Sức tay là vô tâm. Thuốc là các việc lành. Ánh sáng của gương là chơn tâm.

Trong Luận Khởi Tín nói: “Lại nữa, có người do lòng tin thành tựu mà phát tâm, lại phát tâm gì? Lược có ba loại: một, trực tâm là pháp chánh niệm chơn như; hai, thâm tâm là gồm các lành; ba, đại bi tâm là muốn nhổ tất cả khổ não cho chúng sanh”.

Hỏi: Trên đã nói pháp giới một tướng, Phật thể không hai, có sao chỉ một niệm chơn như, mà lại nhờ cầu học các việc lành nữa?

Đáp: Ví như có hạt ma ni báu lớn, sáng trong mà có lẫn quặng nhơ. Như người tuy biết nó có tánh quý mà chẳng dùng phương tiện để mài giũa, trọn không thể trong sáng được. Vì nhơ vô lượng khắp tất cả pháp, nên tu tất cả hạnh lành. Cũng như vậy, pháp chơn như thể tánh nó không-lặng mà có vô lượng phiền não nhiễm nhơ. Nếu người tuy niệm chơn như mà chẳng dùng các phương tiện để huân tập, cũng không được tịnh. Vì nhơ vô lượng khắp tất cả pháp, nên tu tất cả thiện hạnh để đối trị. Nếu người tu, hành tất cả pháp lành, thì tự nhiên qui thuận pháp chơn như”.

Theo đây mà xét, lấy thôi hết vọng tâm làm chánh, tu các pháp lành làm trợ. Nếu khi tu thiện nên cùng với vô tâm khéo hợp nhau, chẳng chấp trước nhờn quả. Nếu chấp trước nhờn quả bèn rơi vào phạm phu, trong phước báo nhờn thiên, khó chúng chơn như, chẳng thoát sanh tử. Nếu cùng vô tâm tương ưng ấy là chúng chơn như. Đây là thuật khéo làm phương tiện thoát sanh tử, lại gồm phước đức rộng rãi.

Trong Kinh Kim Cang Bát Nhã nói: “Tu Bồ Đề, Bồ Tát không trụ tướng bố thí, thì phước đức vị ấy không thể nghĩ lường được”.

Nay thấy người đời có tham thiên học đạo. Vừa biết được cái bản lai Phật tánh, bèn tự thị nơi thiên chơn chẳng tập làm các việc lành. Như vậy, đâu chỉ chẳng đạt chơn tâm, mà trở lại thành giải đãi, đường ác còn chẳng khởi, huống là thoát sanh tử? Cái chấp này rất lầm to.

12. Công đức của chơn tâm.

Hỏi: Hữu tâm tu nhơn công đức chẳng còn nghi. Vô tâm tu nhơn công đức từ đâu đến?

Đáp: Hữu tâm tu nhơn được quả hữu vi. Vô tâm tu nhơn được công đức hiển tánh. Các công đức này xưa nay tự đầy đủ, do vọng che cho nên không hiện,

nay vọng đã trừ công đức hiện tiền. Cho nên Vĩnh Gia nói: “ Ba thân bốn trí tròn trong thể. Tám giải sáu thông ẩn đất tâm”. Thế là trong thể tự nó đầy đủ tánh công đức. Trong cổ tụng có câu: “Nếu tịnh tọa một tý thôi, hơn tạo hằng sa tháp bảy báu. Tháp báu trọn lại hóa vi trần, một niệm tịnh tâm thành chánh giác”. Cho nên vô tâm công đức lớn hơn hữu tâm.

Hòa Thượng Thủy Lạp ở Hồng Châu đến thăm Mã Tổ. Hỏi: Ý chỉ Tổ Sư từ Ấn sang như thế nào? Bị Mã Tổ tổng cho một đập té nhào. Bỗng nhiên phát ngộ. Đứng dậy vỗ tay cười lớn nói rằng: lạ thay! Trăm ngàn tam muội, vô lượng diệu nghĩa chỉ trên đầu một mảy lông. Liên một lúc hiểu được căn nguyên, bèn làm lễ rồi lui. Cứ theo đây thì công đức không từ ngoài đến, mà nó vốn tự đầy đủ. Tứ Tổ bảo Lại Dung [Lại Dung: Ngài hiệu là □ Pháp Dung, nhưng do say mê tọa thiền, có ai đến cũng không buồn chào hỏi, nên người đời gọi là Lại Dung; chữ Lại là lười biếng.] Thiền Sư rằng: “Phàm trăm ngàn pháp môn chỉ đồng về trong gang tấc, công đức như hà sa gồm lại nơi nguồn tâm. Tất cả môn giới định huệ thần thông biến hóa, trọn tự đủ chẳng lia tâm ông”. Cứ theo lời Tổ Sư, vô tâm công đức rất nhiều. Chỉ có người thích công đức nơi sự tướng, nên công đức vô tâm họ không tự tin.

13. Kinh nghiệm chơn tâm.

Hỏi: Chơn tâm hiện tiền, thế nào biết chơn tâm được thành thực vô ngại?
Đáp: Người học Đạo khi đã được chơn tâm hiện tiền, nhưng tập khí chưa trừ, nếu gặp cảnh quen thuộc có lúc thất niệm. Như chẵn trâu, tuy điều phục nó, dẫn dắt nó đến chỗ như ý rồi, mà còn chẳng dám buông giùm và roi. Đợi đến tâm nó điều phục, bước đi ôn hòa, dù chạy vào lúa mạ cũng không hại đến lúa mạ, lúc ấy mới dám buông tay. Đến lúc này chú mục đồng không còn dùng giùm và roi nữa. Tự nhiên con trâu không hại đến lúa mạ.

Như đạo nhân sau khi nhận được chơn tâm, trước lại phải dụng công bảo dưỡng, đến khi có lực dụng lớn, mới có thể lợi sanh. Nếu muốn kinh nghiệm chơn tâm này, thì trước đem những cảnh mà bình thường mình yêu thích, luôn tưởng ở trước mặt. Nếu nương theo cảnh đó khởi tâm yêu ghét, thì tâm đạo chưa thuần thực. Nếu chẳng khởi tâm yêu ghét thì tâm đạo đã thuần thực. Tuy nhiên được thuần thực như vậy, mà còn chưa phải tự nhiên chẳng khởi yêu ghét. Lại phải kinh nghiệm một lần nữa. Như khi gặp cảnh yêu ghét, lúc ấy khởi tâm yêu ghét và khiến thủ cảnh yêu ghét ấy. Nếu tâm chẳng khởi là tâm vô ngại. Như trâu trắng nằm sờ sờ chẳng tổn hại lúa mạ.

Xưa có vị mắng Phật mạ Tổ, ấy là cùng tâm này tương ứng. Nay thấy có người mới vào Tông môn này, chưa biết đạo gần hay xa, liền học mắng Phật mạ Tổ. Thật tính ra quá sớm vậy.

14. Chơn tâm vô tri.

Hỏi: Chơn tâm cùng vọng tâm khi đối cảnh làm sao phân biệt chơn vọng?
Đáp: Vọng tâm đối cảnh có biết, nhưng mà biết nơi cảnh thuận nghịch rồi khởi tâm tham sân. Lại ở trong đó chứa cảnh rồi khởi tâm si. Nơi cảnh khởi ba độc tham sân si, đủ rõ là vọng tâm. Tổ Sư nói: “ Nghịch thuận tranh nhau là tâm bệnh”. Cho nên, đối với cảnh, phải hay chẳng phải đều là vọng tâm cả.

Còn chơn tâm, không biết mà biết thường hằng, tròn chiếu nên khác với cây cỏ. Chẳng sanh yêu ghét nên khác với vọng tâm. Tức đối cảnh rộng sáng, chẳng yêu chẳng ghét, chẳng biết mà biết ấy là chơn tâm.

Trong Triệu Luận nói: “Thánh tâm ấy vi diệu vô tướng, nên chẳng có. Dụng nó thì đầy sự cần dùng nên chẳng thể là không. Cho đến, chẳng có, nên biết mà không biết; chẳng không, nên không biết mà biết. Vì thế nên không biết tức biết. Không nói khác với tâm của thánh nhơn vậy”.

Lại vọng tâm nơi hữu trước hữu, nơi vô trước vô, thường ở hai bên chẳng biết trung đạo. Vĩnh Gia nói: “Bỏ vọng tâm giữ chơn lý. Tâm lấy bỏ thành xảo ngụy. Người học chẳng rõ dụng tu hành. Lâu thành nhận giặc lấy làm con”. Nếu là chơn tâm thì dù ở trong hữu vô, mà không rơi vào hữu vô, thường ở trung đạo. Tổ Sư nói: “Chẳng đuổi hữu duyên, chớ trụ không hẳn, một giống thường hằng bỗng nhiên tự hết”.

Triệu Luận nói: “Thánh nhơn làm việc có mà chẳng có. Ở trong không mà chẳng không. Tuy không thủ hữu vô mà chẳng xả hữu vô. Hòa mình trong trần lao, đạo khắp ngũ thú, lặng lẽ mà đi rõ ràng mà đến, nhạt nhẽo không làm mà không gì chẳng làm (Điền đạm vô vi nhi vô bất vi)”.

Đây là nói bậc thánh nhơn đuổi tay vì người, đi khắp ngũ thú để tiếp dẫn giáo hóa chúng sanh. Tuy tới lui mà không ở trong tướng tới lui. Vọng tâm chẳng phải thế. Cho nên chơn tâm vọng tâm không đồng. Lại chơn tâm là tâm bình thường, vọng tâm là tâm bất bình thường.

Hỏi: Sao gọi là tâm bình thường?

Đáp: Mọi người đều có đủ một điểm linh minh, trạm nhiên như hư không, biến khắp mọi nơi. Đối với việc thế tục tạm gọi là lý tánh. Đối với vọng thức quyền gọi là chơn tâm. Không một mảy may phân biệt, gặp duyên chẳng làm. Không một niệm lấy, bỏ, chạm vật đều khắp, chẳng theo cảnh dời đổi. “Giả sử theo dòng được diệu. Chẳng lìa hiện tại lặng yên. Còn tìm tức biết anh chưa thấy”. Đây tức là chơn tâm vậy.

Hỏi: Sao gọi là tâm bất bình thường?

Đáp: Cảnh có Thánh phàm, nhiễm tịnh, đoạn thường, lý sự, sanh diệt, khứ lai, hảo xú, thiện ác, nhơn quả... Nếu nhỏ nhặt mà kể ắt có ngàn sai muôn khác. Nay nêu ra mười đôi đều gọi là cảnh bất bình thường. Tâm theo cảnh bất bình thường này mà sinh, theo cảnh bất bình thường này mà diệt. Tâm cảnh bất bình thường đối với bình thường chơn tâm ở trước, nên gọi là bất bình thường vọng tâm. Chơn tâm vốn đủ, chẳng theo cảnh bất bình thường mà khởi các sự sai biệt. Cho nên gọi là bình thường chơn tâm.

Hỏi: Chơn tâm bình thường không có các nhơn khác, thế sao Phật nói nhơn quả thiện ác báo ứng?

Đáp: Vọng tâm chạy theo các cảnh, nhưng chẳng rõ các cảnh, nên khởi các tâm. Phật nói các pháp nhơn quả để trị các vọng tâm, nên cần lập nhơn quả. Nếu

chơn tâm này chẳng đỏi theo các cảnh, do đó chẳng khởi các tâm, Phật tức cũng chẳng nói các pháp, thì đâu có nhơn quả?

Hỏi: Chơn tâm bình thường chẳng sanh ư?

Đáp: Chơn tâm có lúc khởi dụng, nhưng chẳng phải theo cảnh mà sanh, chỉ là diệu dụng du hí, chẳng làm nhơn quả.

15. Chỗ trụ của chơn tâm.

Hỏi: Người chưa đạt chơn tâm, do mê chơn tâm nên làm nhơn thiện ác. Do làm thiện nhơn nên sanh trong thiện đạo. Do làm ác nhơn nên vào trong ác đạo, theo nghiệp thọ sanh, lý này chẳng nghi. Nếu người đạt chơn tâm, vọng tình cạn hết, kẻ chứng chơn tâm không nhơn thiện ác. Vậy điểm linh của thân sau gá nương vào chỗ nào?

Đáp: Chớ bảo có chỗ gá nương là hơn không chỗ gá nương. Lại cũng chớ cho không chỗ gá nương, đồng với phiêu linh lãng tử ở thế gian, giống như loài quỉ, vô chủ cô hồn. Đặc biệt nêu câu hỏi này là mong có sự gá nương chớ gì?

- Đúng thế.

- Người đạt tánh thì chẳng đúng, tất cả chúng sanh do mê giác tánh nên vọng tình ái nhiễm kết nghiệp làm nhơn, sanh trong lục thú quả báo thiện ác. Giả như thiện nghiệp là nhơn chỉ được có thiện quả. Trừ chỗ phù hợp với nghiệp mà sanh, ngoài ra chẳng được thọ dụng. Các cõi đều như thế. Đã từ nghiệp kia nên chỗ phù hợp sanh cho là vui, chỗ chẳng phù hợp sanh cho là khổ. Bởi chỗ phù hợp sanh là chỗ tự mình gá nương, chỗ chẳng phù hợp là chỗ người khác gá nương. Cho nên có vọng tình thì có vọng nhơn, có vọng nhơn thì có vọng quả có vọng quả thì có gá nương. Có gá nương thì phân ra kia đây. Phân ra kia đây thì có thích hay không thích.

Nay đạt chơn tâm kẻ hợp với giác tánh không sanh diệt, khởi ra diệu dụng không sanh diệt. Diệu thể chơn thường vốn không sanh diệt, diệu dụng tùy duyên như có sanh diệt. Nhưng từ thể sanh ra dụng nên dụng ấy tức là thể. Có gì là sanh diệt? Người đạt đạo tức là chứng chơn thể, nên sự sanh diệt kia có can hệ gì? Như nước lấy tánh ướt làm thể, sóng mồi làm dụng. Tánh ướt nguyên không sanh diệt, nên sóng mồi trong tánh ướt nào sanh diệt ư? Nhưng sóng lia tánh ướt cũng không riêng có, nên sóng cũng không sanh diệt. Người xưa nói: “Khắp cõi nước là mắt của Sa môn, khắp cả nước là già lam”. Khắp mọi nơi là chỗ an thân lập mệnh của người ngộ lý. Người đạt chơn tâm thì tử sanh lục đạo một chốc liền tiêu tan. Sơn hà đại địa đều là chơn tâm. Chẳng thể lia chơn tâm này riêng có chỗ gá nương. Đã không ba cõi làm vọng nhơn, ắt không có sáu thú làm vọng quả. Vọng quả đã không nói gì gá nương? Không gá nương ắt không bị thử, đã không bị thử thì có gì là thích hay không thích?

Mười phương thế giới chỉ một chơn tâm, toàn thân thọ dụng không riêng gá nương. Lại đối với môn thị hiện thì tùy ý qua lại mà không chướng ngại. Trong Truyền Đăng có chép rằng: “Thượng Thơ Ôn Tháo hỏi Ngài Khuê Phong: Người ngộ lý một phen tuổi thọ hết, gá nương chỗ nào? Khuê Phong đáp: Tất cả chúng sanh đều có đầy đủ cái linh minh giác tánh, cùng với chư Phật không khác. Nếu

hay ngộ tánh này tức là pháp thân, vốn tự vô sanh có gì nương gá? Cái linh minh chẳng muội, rõ ràng thường biết, không chỗ đến cũng không chỗ đi. Chỉ lấy không-tịch làm tự thể, chớ nhận sắc thân. Lấy linh tri làm tự tâm, chớ nhận vọng niệm. Vọng niệm nếu dấy lên đều không theo nó, đến lúc mạng chung, khi ấy, nghiệp tự nhiên không thể cột. Tuy có thân trung ấm mà chỗ đến tự do. Cõi người cõi trời tùy ý gởi nương. Đây tức là chơn tâm trước và chỗ đến của thân sau ấy vậy”.



TU TÂM QUYẾT

Ba cõi nhiệt nã như trong nhà lửa, chúng sanh an nhẫn đắm mình trong đó để chịu khổ dài. Muốn khỏi luân hồi không đâu bằng cầu Phật. Nếu muốn cầu Phật thì Phật tức là tâm. Tâm nào tìm chi cho xa, đâu có lia thân này. Sắc thân là giả, có sanh có diệt. Chơn tâm như hư không, chẳng đoan chẳng biến. Cho nên nói: “Hài cốt vỡ tan trở về lửa gió, một vật trường linh che trùm trời đất”.

Than ôi! Người hôm nay mê lâu thế? Chẳng biết tự tâm mình là chơn Phật, chẳng biết tự tánh mình là chơn pháp. Muốn cầu pháp mà cầu các thánh ở tha phương. Muốn cầu Phật mà chẳng quán tự tâm. Nếu nói ngoài tâm có Phật, ngoài tánh có pháp, chấp cứng tình này, muốn cầu Phật đạo, dù trải qua số kiếp như vi trần, đốt thân chặt tay đập xương ra tủy, chích máu viết kinh, ngồi mãi chẳng nằm, ngày ăn một bữa, cho đến đọc hết một đại tạng kinh, tu muôn ngàn khổ hạnh, chẳng khác nào nấu cát làm cơm, chỉ luống tự nhọc.

Ông chỉ hiểu tự tâm mình, thì hững sa pháp môn, vô lượng diệu nghĩa chẳng cầu mà được. Đức Thế Tôn nói: “ Ta xem khắp tất cả chúng sanh đều có đủ đức tướng trí huệ của Như Lai”. Lại nói: “ Tất cả chúng sanh mỗi mỗi đều huyền hóa mà hay sanh ra cái diệu tâm viên giác của Như Lai”. Thế nên lia tâm này không Phật có thể thành. Quá khứ chư Phật chỉ là người sáng tâm mà thôi. Hiện tại các bậc Thánh hiền cũng là người tu tâm mà thôi. Vị lai người tu học nên y pháp như thế mà tu. Mong mỗi người tu cần yếu chớ tìm cầu bên ngoài. “Tâm tánh không nhiễm vốn tự viên thành, chỉ lia vọng duyên tức như như Phật”.

Hỏi: Nếu nói Phật tánh hiện ở thân này, đã ở trong thân không lia phạm phu. Cớ sao nay tôi chẳng thấy Phật tánh? Xin giải rõ khiến được khai ngộ.

Đáp: Ở tại thân ông mà tự ông chẳng thấy. Suốt mười hai giờ ông biết đói biết khát, biết lạnh, biết nóng, hoặc vui, hoặc giận, v.v... Trọn là vật gì? Lại sắc thân là địa thủy hỏa phong bốn duyên hội hợp, cái chất của nó là vô tình, đâu hay thấy nghe hiểu biết? Cái thấy nghe hiểu biết nhất định là Phật tánh của ông. Tổ Lâm Tế nói rằng: “Bốn đại chẳng biết nói pháp, chẳng nghe pháp. Hư không chẳng biết nói pháp, chẳng nghe pháp. Chỉ cái rõ ràng riêng sáng ở trước mắt của ông, cũng chớ phân tích nó, cái ấy mới biết nói pháp và nghe pháp”.

Ba chữ “Chớ phân tích” là pháp ấn của chư Phật và cũng là tâm bản lai của ông. Thế thì Phật tánh ở tại thân ông, đâu có nhờ cầu bên ngoài? Ông nếu chẳng tin, tôi sẽ nêu lên nhơn duyên nhập đạo của các bậc thánh xưa, để cho ông trừ hết nghi hoặc. Ông sẽ tin là chơn thật.

Xưa vua Dị Kiến hỏi tôn giả Ba La Đề rằng: Thế nào là Phật? Tôn giả đáp: Kiến tánh là Phật. Vua hỏi: Thầy kiến tánh chẳng? Tôn giả đáp: Tôi kiến Phật tánh. Vua hỏi: Tánh tại chỗ nào? Tôn giả đáp: Tánh tại tác dụng. Vua hỏi: Ấy là tác dụng gì? sao trầm chẳng thấy? Tôn giả đáp: Tôi đã thấy tác dụng rõ ràng, tự nhà vua không thấy đó thôi. Vua hỏi: Nơi trầm có không? Tôn giả đáp: Bệ hạ nếu tác dụng thì đâu chẳng có. Còn bệ hạ nếu chẳng tác dụng thì thể kia khó thấy. Vua hỏi: Nếu khi đang tác dụng mấy chỗ xuất hiện? Tôn giả đáp: Nếu khi xuất hiện thì có

tám chỗ. Vua nói : Xin vì trăm chỉ tám chỗ xuất hiện kia. Tôn giả đáp: Nơi thai gọi là thân, ở đời gọi là người, nơi mắt gọi là thấy, nơi tai gọi là nghe, nơi mũi phân biệt các mùi nơi lưỡi đàm luận, nơi tay nắm bắt, nơi chơn chạy nhảy. Biến hiện thì khắp sa giới, thu lại thì chỉ trong hạt bụi. Người hiểu biết cho đó là Phật tánh, người chẳng hiểu gọi đó là tinh hồn. Nhà vua nghe xong liền khai ngộ.

Có một vị Tăng hỏi Hòa Thượng Qui Tông rằng: “Thế nào là Phật? Đáp: Ta nói ra sợ ông chẳng tin. Tăng thưa: Hòa Thượng nói thật con đâu dám chẳng tin. Đáp: Tức là ông đây. Tăng hỏi: Bảo nhiệm như thế nào? Đáp: Vết mây nơi mắt làm cho không hoa rơi loạn. Vị Tăng kia ngay lời ấy tỉnh ngộ”.

Trên đã nêu lên nhơn duyên nhập đạo của các bậc thánh xưa, rõ ràng giản dị chẳng ngại đến tinh lực. Nhơn công án này, nếu có chỗ tin hiểu, tức cùng với thánh xưa nắm tay mà đi.

Hỏi: Ngài nói kiến tánh, nếu thật kiến tánh tức là thánh nhơn, ứng hiện thần thông biến hóa khác hẳn mọi người. Có sao bọn người tu tâm hiện nay, không có một người hiện thần thông biến hóa?

Đáp: Người chớ nên khinh khi mà phát ra lời nói điên như thế. Chẳng phân tà chánh là người mê đảo. Người học đạo thời này miệng thời bàn chơn lý, tâm thì sanh thói khuất, trở lại rơi vào chỗ vô phần, nên khiến ông sanh nghi. Người học đạo chẳng biết trước sau, nói lý chẳng phân gốc ngọn, đây là tà kiến chớ chẳng gọi là tu học, chẳng những chỉ tự làm mà còn làm người. Hạng người này há chẳng thật trọng ư?

Phàm nhập đạo có nhiều cửa, nhưng nói chỗ cốt yếu chẳng ngoài hai cửa “Đốn ngộ và tiệm tu”. Tuy nói đốn ngộ đốn tu là hàng căn cơ tối thượng mới được vào. Nếu suy về quá khứ thì đã nhiều đời y nơi ngộ mà tu lần lần huân tập cho đến đời này, nghe liền phát ngộ, một chốc liền xong. Xét lẽ thật thì cũng là căn cơ trước ngộ sau tu.

Lại, hai môn đốn tiệm này là lối mòn của ngàn thánh, các bậc thánh từ trước đâu chẳng trước ngộ sau tu; nhơn tu mới chứng. Cái gọi là thần thông biến hóa ấy, phải ngộ mà tu, rồi lần lần huân tập mới hiện, chớ chẳng phải khi ngộ rồi liền phát hiện. Như trong Kinh nói: “Lý liền đốn ngộ, nhơn ngộ nên sự đều tiêu, chớ chẳng phải một chốc liền trừ được các nhơn, phải lần lượt mới hết”. Ngài Khuê Phong rất thấu đáo về nghĩa trước ngộ sau tu. Ngài nói: “Biết băng nơi hồ là toàn nước, nhờ ánh mặt trời mới tan ra. Ngộ phàm phu tức là Phật, nhờ pháp lực để huân tu. Băng tan thì nước chảy và mới có công dụng giặt rửa. Vọng hết thì tâm rộng suốt, mới ứng hiện diệu dụng thần thông sáng suốt”. Thế thì, việc thần thông biến hóa chẳng phải một ngày có thể thành tựu được, phải tiệm huân lâu mới có thể phát hiện. Huống lại, việc thần thông đối với người liễu đạt, còn cho là việc yêu quái, và cũng là việc bờ mé ngọn ngành đối với bậc thánh, tuy cũng có hiện nhưng chẳng phải cần thiết.

Ngày nay bọn ngu mê vọng bảo rằng: một niệm khi ngộ liền hiện vô lượng thần thông biến hóa. Nếu hiểu như thế, bảo họ là kẻ không biết trước sau, cũng không phân được gốc ngọn. Đã không biết trước sau gốc ngọn mà muồn cầu Phật

đạo, giống như người đem gỗ vuông cho vào lỗ tròn, há chẳng làm to ư? Đã chẳng biết nên khởi ý tưởng phiêu lưu, tự sanh lui sụt, đoạn chủng tánh Phật, người như thế chẳng phải ít. Đã tự mình chưa sáng cũng không tin người khác có chỗ giải ngộ. Thấy người giải ngộ không thân thông liền sanh ngã mạn, khinh hiềm đối thánh, thật đáng thương thay!

Hỏi: Ngài nói hai môn đốn ngộ tiệm tu là lỗi mòn của ngàn thánh. Đã đốn ngộ tại sao lại nhờ tiệm tu? Nếu tiệm tu có sao nói đốn ngộ? Lại xin tuyên nói hai nghĩa đốn tiệm, khiến dứt hết nghi thừa.

Đáp: Đốn ngộ ấy là phạm phu khi mê cho tứ đại làm thân, vọng tưởng làm tâm. Chẳng biết tự tánh là pháp thân chơn thật. Chẳng biết tự kỷ hư tri là Chơn Phật. Ngoài tâm tìm phật, trôi nổi trong gian khổ. Chợt được thiện tri thức chỉ cho đường vào, một niệm hồi quang thấy được bản tánh mình. Tánh địa này nguyên không phiền não. Trí tánh vô lậu vốn tự đầy đủ, tức cùng với trí tánh của chư Phật chẳng khác nhau chút nào.

Tổ Sư nói: “Đốn ngộ, tiệm tu là đốn ngộ cái bản tánh cùng chư phật không khác. Tập khí từ vô thủy khó trừ hết liền, nên phải y ngộ mà tu, lần lần huân tập mới thành công. Cũng như nuôi dưỡng thánh thai lâu ngày mới thành thánh, nên nói tiệm tu. Giống như trẻ sơ sanh các căn đều đầy đủ cùng với người không khác. Nhưng khí lực nó chưa đầy đủ, phải trải qua nhiều năm tháng mới thành người lớn.

Hỏi: Phải dùng phương tiện gì khiến một niệm hồi cơ, bèn ngộ tự tánh?

Đáp: Chỉ tự tâm ông, lại dùng phương tiện gì? Nếu dùng phương tiện để cầu giải hội: tỷ như có người chẳng thấy mắt của mình, cho rằng không mắt, lại muốn cầu thấy. Đã là mắt của mình thế nào lại thấy? Nếu biết chẳng mắt tức là thấy mắt. Lại không có cái tâm cầu thấy thì đâu có cái tướng chẳng thấy. Cái tự kỷ hư tri cũng lại như vậy. Đã là tự tâm sao lại cầu hiểu? Nếu muốn cầu hiểu bèn hiểu chẳng được. Chỉ biết chẳng hiểu ấy là kiến tánh.

Hỏi: Người thượng thượng căn nghe rồi liền dễ lãnh hội. Còn người trung hạ căn, đâu chẳng nghi hoặc? Xin nói phương tiện khiến người mê được vào.

Đáp: Đạo chẳng thuộc biết cùng chẳng biết. Ông nên từ bỏ cái tâm “đem mê đọi ngộ” mà nghe lời nói của ta: các pháp đều như mộng, như huyền hóa. Cho nên vọng niệm vốn tịch, trần cảnh vốn không. Chỗ các pháp đều không ấy, là cái biết rộng suốt chẳng mê (hư tri bất muội), tức là cái tâm không-lặng rộng suốt này vậy. Đây là bản lai diện mục của ông, cũng là cái pháp ấn ba đời chư Phật, lịch đại Tổ Sư và các bậc thiện tri thức trong thiên hạ, thăm thăm truyền nhau. Nếu ngộ tâm này đúng như có chỗ nói: “Chẳng cần giẫm qua thứ lớp thang đến Phật địa, mỗi bước vượt qua ba cõi. Về nhà thoát tuyệt các nghi, bèn vì người trời làm thầy. Bi trí nương nhau, đầy đủ hai lợi, kham nhận người trời cúng dường, ngày tiêu muôn lượng huỳnh kim”. Nếu ông được như thế, thật là đại trượng phu, việc hay làm một đời đã làm xong.

Hỏi: Căn cứ theo phần trên, thế nào là tâm không-lặng rỗng suốt?

Đáp: Cái hiện nay ông hỏi ta, ấy là tâm không-lặng rỗng suốt của ông. Sao không phản chiếu lại mà còn tìm bên ngoài. Nay ta căn cứ vào phần trên của ông chỉ thẳng bản tâm, khiến ông được ngộ, ông nên tịnh tâm nghe ta nói:

Trong mười hai giờ từ sớm đến chiều, hoặc thấy, nghe, cười, nói, giận, vui phải, quấy, v.v... Muôn ngàn cái vận chuyển thi vi. Hãy nói thấy đều là cái gì? Sao hay vận chuyển thi vi? Nếu nói sắc thân vận chuyển, có sao có người một phút mạng chung, thi thể chưa thối nát mà mắt không tự thấy, tai không nghe, mũi không phân biệt mùi, lưỡi chẳng đàm luận, thân chẳng lay động, tay chẳng nắm bắt, chơn chẳng chạy nhảy? Thế nên biết, cái hay thấy nghe động tác nhất định là bản tâm ông chớ chẳng phải sắc thân. Huống nữa, sắc thân bốn đại này tánh nó là không, như ảnh trong gương, như trăng đáy nước. Đâu thể rõ ràng thường biết, sáng suốt chẳng mê hoặc, có cảm liền thông, đủ hằng sa diệu dụng? Cho nên nói: “Bữa củi gánh nước đều là thần thông diệu dụng”.

Hơn nữa, nhập đạo có nhiều đường, ta chỉ ông một môn khiến ông trở lại nguồn.

Hỏi: Ông nghe tiếng cu kêu chim hót không?

Đáp: Nghe.

Hỏi: Ông nghe lại tánh nghe của ông xem có nhiều tiếng không?

Đáp: Đến chỗ này tất cả âm thanh, tất cả phân biệt đều không thể được.

Nói: Lạ thay! Đây là cửa Quan âm nhập lý vậy. Ta hỏi ông : Khi đến chỗ đó tất cả tiếng, tất cả phân biệt đều không thể được. Vậy đang lúc đó chẳng phải là hư không sao?

Đáp: Nguyên lai chẳng không, sáng suốt chẳng mê.

Hỏi: Cái thể chẳng không ấy thế nào?

Đáp: Cũng không tướng mạo, nói không thể đến.

Nói: Đây là thọ mạng của chư Phật, chư Tổ ông chớ hồ nghi. Đã không tướng mạo nào có lớn nhỏ. Không lớn nhỏ nào có bờ mé nên không trong ngoài, không trong ngoài nên không gần xa, không gần xa nên không bỉ thử, không bỉ thử nên không vắng lai, không vắng lai nên không sanh tử, không sanh tử nên không cổ kim, không cổ kim nên không mê ngộ, không mê ngộ nên không phàm thánh, không phàm thánh nên không nhiễm tịnh, không nhiễm tịnh nên không phải quấy, không phải quấy nên tất cả danh ngôn đều không thật có. Cả thấy đều không như vậy, thì tất cả căn cảnh, tất cả vọng niệm, cho đến muôn ngàn tướng mạo, muôn ngàn danh ngôn đều không thật có. Đây há không phải là cái không-tịch xưa nay, cái không vật xưa nay sao?

Tuy nhiên, cái chỗ đều không của các pháp, biết suốt chẳng mê, chẳng đồng với tánh vô tình. Tự hiểu một cách màu nhiệm rằng, đây là cái tâm thể không-tịch, hư tri, thanh tịnh của ông. Tâm không-tịch này là cái “thẳng tịnh minh tâm” của ba đời chư Phật, cũng là cái “giác tánh bản nguyên” của chúng sinh. Ngộ nó và giữ nó thì ngồi trên tòa giải thoát nhất như chẳng động. Mê nó và trái nó thì trường kiếp luân hồi trong sáu thú. Cho nên nói: “Mê nhứt tâm đến sáu thú, ấy là đi, là động. Ngộ pháp giới trở về nhứt tâm, ấy là đến, là tịnh”. Tuy mê ngộ có sai

khác, nhưng bản nguyên thì chỉ có một. Cho nên nói: “Pháp ấy là tâm của chúng sinh, cái tâm không-tịch này nơi thánh không tăng nơi phàm không giảm”. Lại nói: “Nơi thánh trí chẳng sáng, ắt phàm tâm chẳng mê”. Chẳng tăng nơi thánh chẳng giảm nơi phàm, Phật Tổ sao lại khác nơi người? Sở dĩ khác hơn người, ấy là hay tự giữ tâm niệm vậy.

Ông nếu tin được thì nghi tình liền dứt, phát chí trượng phu, khởi kiến giải chơn chánh. Thân nếm cái mùi vị kia, tự đến tự chấp nhận cái địa vị kia. Đây là chỗ người tu tâm giải ngộ. Lại không có thứ đệ và cấp bậc. Cho nên gọi là đốn. Như nói: “Trong cái tín nhọn đã khế hợp với quả đức của chư Phật không sai một mảy, mới thành tín vậy”.

Hỏi: Đã ngộ lý này lại không giai cấp. Cớ sao lại nhờ vào sự huân tu lần lần mới thành?

Đáp: Cái nghĩa ngộ rồi lần lần tu trước đã nói đầy đủ mà cái tình nghi chưa gỡ. Nay chẳng ngại nói lại. Ông nên lặng tâm nghe rõ: Kẻ phàm phu từ vô thủy khoáng kiếp cho đến ngày hôm nay, trôi lăn trong năm đường sanh tử qua lại. Chấp cứng tướng ngã cùng vọng tưởng điên đảo. Hạt giống vô minh tập lâu thành tánh. Tuy đến nay đốn ngộ tự tánh xưa nay không-lặng cùng Phật không khác, nhưng cái cựu tập này rất khó dứt trừ. Cho nên gặp cảnh thuận nghịch có giận có vui. Chuyện thị phi lòng lầy khởi diệt. Khách trần phiền não cùng trước không khác. Nếu chẳng dùng sức mạnh của trí bát nhã, thì làm sao đối trị được vô minh đến được chỗ thôi hết dứt hết? Như nói: “Đốn ngộ tuy đồng với Phật, nhưng nhiều đời tập khí sâu. Gió dừng nhưng sóng còn dậy, lý hiện nhưng niệm còn xâm”.

Cảo Thiên Sư nói: “Những kẻ lợi căn thường thường chẳng tốn nhiều sức để phát minh việc này, bèn sanh tâm dễ dui, lại chẳng chịu tu trị, lâu ngày chầy tháng vẫn y như trước trôi nổi, chưa thoát khỏi luân hồi”. Lại há có thể một phen ngộ bèn bác chỗ hậu tu ư? Nên sau khi ngộ phải lâu ngày chiếu xét. Vọng niệm chợt khởi đều chẳng theo nó, lại trừ cho đến không còn trừ mới đến cứu cánh. Bậc thiện tri thức trong thiên hạ, sau khi ngộ rồi còn phải hành hạnh chơn chân là thế.

Tuy có hậu tu nhưng trước đã đốn ngộ “vọng niệm vốn không, tâm tánh vốn tịnh”, nơi việc ác đoạn mà không đoạn, nơi việc thiện tu mà không tu. Đây mới là chơn tu chơn đoạn. Cho nên nói rằng “Tuy tu đủ muôn hạnh nhưng chỉ lấy vô niệm làm tông”.

Ngài Khuê Phong nhận xét nghĩa “tiên ngộ hậu tu” như sau: “Đốn ngộ tánh này nguyên không phiền não, vô lậu trí tánh vốn tự đầy đủ cùng Phật không khác. Y đây tu tập gọi là tối thượng thừa thiên, cũng gọi là Như Lai thanh tịnh Thiên, nếu hay mỗi niệm tu tập, tự nhiên lần lần được muôn ngàn tam muội. Môn hạ Ngài Đạt Ma lần lượt truyền nhau là thiên này”.

Lại, nghĩa đốn ngộ tiệm tu như xe có hai bánh, thiếu một không thể được. Hoặc có người chẳng biết thiện ác tánh không, vững ngồi chẳng động, đè nén thân tâm, như đá đè cỏ cho là tu tâm, đây là lầm to. Nên nói “Thanh Văn tâm tâm đoạn hoặc, tâm năng đoạn là giặc”. Chỉ quán sát một cách đúng đắn rằng sát, đạo, dâm, vọng từ tánh mà khởi, khởi tức chẳng khởi. Ngay nơi đó liền lặng, cần gì lại đoạn?

Cho nên nói: “Chẳng sợ niệm khởi chỉ sợ giác chậm”. Lại nói: “Niệm khởi liền giác, giác nó liền không”. Nên người ngộ tuy có khách trần phiền não nhưng đều thành đề hồ.

Chỉ nên soi thay các hoặc nguyên không có gốc. Ba cõi không hoa này như gió cuốn khói. Sáu trần huyền hóa này như nước nóng tan băng. Nếu hay mỗi niệm tu tập như thế, chẳng quên chiếu cố “định huệ đồng tu”, thì thương ghét tự nhiên lạnh nhạt, bi trí tự nhiên thêm tỏ, tội nghiệp tự nhiên đoạn trừ, công hạnh tự nhiên tăng tiến. Khi phiền não tận thì sanh tử liền dứt. Nếu dòng phiền não nhỏ nhiệm vĩnh viễn đoạn trừ, thì Viên Giác đại trí sáng suốt một mình, liền hiện ngàn trăm ức hóa thân trong mười phương cõi nước. Tùy cơ cảm ứng giống như trăng hiện trong không, ảnh phân muôn nước. Ứng hiện không cùng, độ chúng sinh có duyên khoáng lạc vô ưu gọi là Đại Giác Thế Tôn.

Hỏi: Trong pháp môn hậu tu có nghĩa “định huệ đồng tu”, tôi thật chưa rõ. Lại xin tuyên giải khiến mở mê để dẫn vào cửa giải thoát.

Đáp: Nếu lập pháp nghĩa để vào lý, thì ngàn pháp môn không pháp môn nào chẳng định huệ. Năm đực cương yếu của nó thì trên tự tánh thể dụng có hai nghĩa. Trước đã nói “không-tịch hư tri” ấy vậy. Định là thể, huệ là dụng. Ngay nơi thể là dụng, nên huệ chẳng lìa định. Ngay nơi dụng là thể, nên định chẳng lìa huệ. Định tức huệ nên tịch mà thường tri. Huệ tức định nên tri mà thường tịch. Như Tào Khê nói: “Đất tâm không loạn là tự tánh định, đất tâm không si là tự tánh huệ”. Nếu ngộ được như thế thì mặc tình tịch mà tri, chiếu soi hay che đậy không hai. Đây là cửa “Đốn”, và là Định Huệ song tu vậy.

Nếu nói trước dùng lặng lẽ để trị duyên lự, sau lấy tỉnh táo để trị hôn trầm, trước sau đối trị điều phục hôn loạn để nhập vào chỗ tĩnh. Đây là cửa tiệm, là chỗ sở hành của người căn cơ kém. Tuy nói tỉnh táo và lặng lẽ gồm giữ nhưng chưa khỏi giữ tịnh làm pháp hạnh. Đâu như người liễu sự chẳng lìa bản tịch bản tri nhậm vận song tu. Cho nên Tào Khê nói: “Tự ngộ mà tu hành chớ chẳng phải ở nơi chỗ tịnh. Nếu mắc nơi tịnh trước sau là người mê”.

Người liễu đạt đối với nghĩa định huệ đồng tu, không rơi vào dụng công, nguyên tự nó vô vi, lại không một đặc biệt thời tiết nào. Khi thấy sắc nghe tiếng chỉ có vậy. Khi mặc áo ăn cơm chỉ có vậy. Khi đi ỉa đi đái chỉ có vậy. Khi bàn chuyện với người chỉ có vậy. Cho đến đi đứng nằm ngồi, hoặc nói nín, hoặc vui, hoặc giận. Tất cả thời mỗi mỗi đều như thế. Giống như chiếc xuồng rồng nương theo sóng mặc tình lên xuống. Như dòng nước chảy trong núi, gặp lúc cong, gặp lúc thẳng mà tâm tâm vô tri. Ngày nay bay nhảy mặc tình, ngày mai mặc tình bay nhảy. Tùy thuận các duyên không chướng ngại. Nơi thiện ác chẳng đoạn chẳng tu. Chất trực không dối, thấy nghe tầm thường. Lại không một mảy bụi để đối đãi, nhọc gì ra sức chùi rửa? Không một niệm để sanh tình, chẳng nhờ mượn sức quên duyên.

Tuy nhiên người nghiệp chướng sâu tập khí nặng, huệ quán kém, tâm trôi nổi nhiều, sức vô minh lớn, sức bát nhã nhỏ. Nơi cảnh giới thiện ác chưa khỏi bị động tịnh thay đổi. Tâm không lạnh nhạt. Chẳng thể không quên duyên khiến công

phu lau chùi. Như nói: “Sáu căn nhiếp cảnh, tâm chẳng theo duyên gọi đó là định. Tâm cảnh đều không, soi xét không lầm gọi đó là huệ”. Đây là môn tùy tướng định huệ, là pháp môn tiệm, là chỗ sở hành của người căn cơ kém.

Nhưng trong pháp môn đối trị không thể không. Nếu trạo cử lầy lừng thì trước dùng định môn, xứng hợp với lý mà nhiếp tâm tán loạn, chẳng theo duyên khế hợp với bản tịch. Nếu hôn trầm quá nhiều thì dùng huệ môn trạch pháp quán không, soi xét không lầm để khế hợp với bản tri. Lấy định trị loạn tướng, lấy huệ trị vô ký. Động tịnh đều hết công phu đối trị cũng xong. Thế thì đối cảnh mà mỗi niệm về nguồn, gặp duyên mà tâm tâm khế hợp với đạo. Nhậm vận song tu mới là người vô sự. Nếu như thế mới có thể gọi thật là “định huệ đồng tu”, thấy rõ Phật tánh ấy vậy.

Hỏi: Căn cứ chỗ phân tích của Ngài, pháp môn trước ngộ sau tu, trong nghĩa định huệ đồng tu có hai loại: Một là tự tánh định huệ, hai là tùy tướng định huệ. Tự tánh định huệ thì nói rằng mặc tình lặng biết, nguyên tự nó là vô vi, không một mảy trần để so sánh đối đãi. Nhọc gì ra sức chùi rửa. Không một niệm để sanh tình, không nhờ ra sức quên duyên. Ngài phân đó là môn đốn, chẳng lìa tự tánh định huệ đồng tu.

Tùy tướng định huệ thì nói rằng xứng hợp với lý, nhiếp tán loạn chọn pháp quán không. Quân bình điều phục hôn trầm và tán loạn để nhập vào vô vi. Ngài phân đó là tiệm môn, là chỗ hành của hàng căn cơ kém. Do đó nên đối với hai môn định huệ này có chỗ nghi.

Nếu nói chỗ hành của một người là trước y nơi môn tự tánh định huệ đồng tu, rồi sau đó là dùng môn tùy tướng công phu đối trị chẳng? Hay là trước lại y nơi môn tùy tướng, quân bình điều phục hôn loạn, rồi sau mới nhập vào môn tự tánh? Nếu trước y nơi tự tánh định huệ thì mặc tình lặng biết, lại không cần công phu đối trị, sao lại phải giữ môn tùy tướng định huệ?

Nếu trước dùng môn tùy tướng định huệ đối trị thành công, rồi sau mới hướng về tự tánh môn thì giống y như trong tiệm môn, hạng căn cơ kém, trước ngộ sau lần lượt huân, sao gọi rằng Đốn? Cái ngộ trước tu sau là dùng công phu vô công phu. Nếu một lúc không trước sau thì hai môn định huệ đốn tiệm có sự khác nhau, làm sao một lúc đồng hành? Lại môn đốn ấy y nơi tự tánh môn mặc tình quên công phu. Còn môn tiệm của hàng căn cơ kém, theo môn tùy tướng công phu đối trị nhọc nhằn. Như thế căn cơ đốn tiệm của hai môn chẳng đồng, hơn kém rõ ràng. Thế sao môn ngộ trước tu sau bên trong đều có chia hai loại? Xin nói rõ để dứt hết lòng nghi ngờ.

Đáp: Chỗ tôi giải thích đã rõ ràng, ông tự sanh nghi, theo ngôn ngữ sanh hiểu biết rồi chuyển thành nghi hoặc. Nếu được ý quên lời, nhọc gì cật vấn? Nếu đem hai môn mỗi mỗi phán xét về chỗ hành, thì người tu tự tánh định huệ là môn Đốn, dùng công phu vô công phu, gồm vận dụng hai cái tịch tự tu, tự tánh để thành Phật đạo ấy vậy. Người tu môn tùy tướng định huệ là trước chưa ngộ, dùng môn tiệm của hàng căn cơ kém để dụng công đối trị, tâm tâm đoạn hoặc, giữ gìn cái tịnh làm pháp hạnh. Hai môn này chỗ đốn tiệm khác nhau chẳng thể lầm lẫn.

Môn ngộ rồi tu sau ở trong ấy đã gồm nói môn tùy tướng đối trị rồi, chẳng phải toàn để cho hàng căn cơ kém hành, ấy là nắm cái phương tiện giả nói kia rồi giữ mãi mà thôi. Bởi có nơi đốn môn này cũng có hạng căn cơ thẳng và căn cơ liệt, không thể lúc nào cũng xét đoán về hành lý kia.

Nếu người phiền não nhật mông, thân tâm nhẹ nhàng an ổn, nơi thiện lia thiện, nơi ác lia ác, tám gió chẳng động, ba thọ lặng yên, y tự tánh định huệ nhậm vận song tu. Tánh thiên chơn không tạo tác động tinh thường Thiền, thành tựu được lý tự nhiên. Cần gì mượn môn tùy tướng đối trị? Không bịnh chẳng cần thuốc.

Người tuy trước đã đốn ngộ, nhưng phiền não còn đầy, tập khí còn nặng, đối cảnh niệm niệm sanh tình, gặp duyên tâm tâm đối đãi, bị hôn loạn kia giết chết, mê muội nên mất “cái biết lặng lẽ thường nhiên”. Ngay đó nhờ môn tùy tướng định huệ, chẳng quên đối trị, quân bình điều phục hôn loạn để nhập vào vô vi, tức phải cần vậy.

Tuy mượn công phu đối trị, tạm điều phục tập khí, nhưng do trước đốn ngộ tâm tánh vốn tịnh, phiền não vốn không, nên liền không lạc về môn tiệm của hàng căn cơ kém và ô nhiễm tu tập.

Người chưa ngộ mà tu, tuy dụng công chẳng quên, niệm niệm huân tu mà thường sanh nghi chưa được vô ngại. Như có một vật ngăn trong ngực. Cái tướng chẳng an thường hiện ở trước, lâu ngày chầy tháng ra công đối trị thuần thực, thì thân tâm khách trần in tuồng được khinh an. Nhưng gốc nghi chưa được dứt, giống như đá đè cỏ. Còn ở nơi ranh giới của sanh tử, chẳng được tự tại. Cho nên nói: “Chưa ngộ mà tu chẳng phải chơn tu”.

Người ngộ tuy có dùng phương tiện đối trị, nhưng niệm niệm không nghi chẳng rơi vào ô nhiễm, lâu ngày chầy tháng tự nhiên khế hội. Diệu tánh thiên chơn mặc tình lặng biết, niệm niệm phan duyên tất cả cảnh, nhưng tâm vĩnh viễn đoạn các phiền não, chẳng lìa tự tánh định huệ đồng tu. Thành tựu vô thượng bồ đề. Sánh với cơ trước có phần hơn, nhưng lại không sai khác. Vậy thì môn tùy tướng định huệ, tuy là chỗ hành của hàng tiệm cơ nhưng đối với người đốn ngộ có thể bảo là “chỉ sắt thành vàng”. Nếu biết như thế thì đâu do hai môn định huệ, mà có cái nghi thứ lớp trước sau ư?

Mong các vị tu hành nên nghiên cứu ý vị của lời nói này, chớ hồ nghi mà tự sanh lui sụt. Nếu người đủ chí trọng phụ, cầu vô thượng bồ đề, bỏ đây thì làm sao? Cần yếu là chớ chấp vào văn tự, phải hiểu thẳng và mỗi mỗi qui về tự kỷ, khế hợp với Thiên Tông, thì vô sư trí, tự nhiên trí hiện tiền. Lý thiên chơn rõ ràng chẳng mê, thành tựu được huệ thân chẳng do nơi khác mà ngộ.

Lại cái diệu chỉ này tuy là việc chung cho mọi người, nhưng nếu không phải là người có căn khí Đại Thừa và đã gieo trồng giống bát nhã từ trước, thì không thể nào một niệm sanh chánh tín được. Đâu những chẳng tin lại đi phi báng để chiêu quả vô gián, là thường thấy vậy. Tuy chẳng tin nhận, nhưng một lần nghe qua tai, cũng tạm thời kết duyên, và cái công đức của người ấy cũng không thể lường được. Như trong Duy Tâm Quyết nói: “Nghe mà không tin còn kết được nhân Phật chủng. Học mà chẳng thành còn hơn phước báo cõi người, cõi trời,

chẳng mất chánh nhơn thành Phật. Huống lại nghe liền tin, học liền thành công, giữ gìn chẳng mất, thì công đức kia đâu hay đo lường được?”

Truy niệm về nghiệp quá khứ luân hồi chẳng biết bao nhiêu kiếp, theo dòng hắc ám vào địa ngục vô gián, chịu muôn ngàn thống khổ chẳng biết bao nhiêu phen. Muốn cầu Phật đạo chẳng gặp thiện hữu nên trường kiếp trầm luân, mờ mịt chẳng biết, tạo tác nghiệp ác. Cũng có lúc hoặc một phen nghĩ, bắt chợt thờ dài, lại cam thông thả để rồi trở lại thọ những tai ương như trước sao?

Chẳng biết ai khiến ta nay được làm người, trong vạn vật hư dối này, chẳng mê mờ đường tu chơn. Thật có thể gọi là rùa mù gặp bông cây, hạt cải ném vào lỗ kim. Đây là một điều vinh hạnh có gì hơn? Nay ta nếu tự sanh lui sụt, hoặc sanh lười biếng mà thường trốn lại phía sau, bỗng chốc mất thân mạng, thoái đọa vào đường ác chịu các khổ não. Khi ấy tuy mong nghe được một câu Phật pháp để tin hiểu thọ trì, mong khỏi cảnh chua cay ấy còn trông gì được? Đến lúc lâm nguy hối hận không ích gì.

Mong các vị tu hành chớ sanh phóng dật, chớ mắc tham dâm. Như cứu lửa cháy đầu chẳng quên soi xét. Vô thường chóng vánh, thân như giọt sương mai, mạng như bóng trời chiều. Ngày nay còn đây, ngày mai khó bảo toàn. Cần phải lưu ý!

Vả lại bằng vào cái thiện hữu vi ở thế gian cũng có thể khỏi ba đường khổ luân hồi, nơi cõi trời, cõi người được quả báo thù thắng, thọ các khoái lạc. Huống lại, đây là pháp môn tối thượng thừa rất thâm sâu. Chỉ tạm thời có niềm tin cũng thành tựu được công đức không thể lấy tỷ dụ mà nói được một phần nhỏ. Trong Kinh nói: “Nếu có người lấy bảy báu bằng ba ngàn đại thiên thế giới, bố thí cúng dường cho bao nhiêu chúng sanh trong thế giới ấy đều được đầy đủ. Lại giáo hóa cho họ được tứ quả. Công đức kia vô lượng vô biên, cũng không bằng cái công đức chỉ khoảng một bữa ăn chánh tư duy pháp này”. Thế nên pháp môn này của ta tối tôn tối quý đối với các công đức so sánh không đến được. Cho nên Kinh nói: “Một niệm tịnh tâm là đạo tràng, còn thù thắng hơn tạo tháp bảy báu như hằng sa. Tháp báu rồi sẽ nát thành bụi, một niệm tịnh tâm thành tựu được quả Phật”.

Mong mỗi các vị tu hành nghiên cứu ý vị của lời này, cần phải lưu ý! Thân này chẳng nhằm đời này độ, lại đời nào độ thân này? Nay nếu chẳng tu, ngàn kiếp sai lầm. Nay nếu gắng tu cái hạnh khó tu, lần lần được công hạnh chẳng khó, rồi sẽ tự tiến. Than ôi! Người thời nay đói gặp cơm vua mà chẳng biết ăn. Bệnh gặp y vương cho thuốc mà chẳng biết uống. Không biết phải nói như thế nào! Tôi cũng đành cam chịu vậy!

Vả lại việc hữu vi ở thế gian hình dáng nó còn có thể thấy, công dụng nó còn có thể xét nghiệm. Khi thành công một việc người ta còn tán thán cho là ít có. Còn Tâm tông của ta đây không hình có thể nhìn, không trạng có thể thấy, đường ngôn ngữ dứt, chỗ tâm hành tuyệt. Cho nên thiên ma ngoại đạo hằng hủy báng cửa “Không”. Thích Phạm chur thiên không ngớt ngợi khen. Huống nữa, kẻ phàm phu dùng kiến thức cạn cợt, đối với Tâm tông còn mờ mịt, làm sao biết được?

Thương thay! Con trạnh trong giếng sao biết được bao la của bể cả. Con đã can làm sao rộng được tiếng Sư tử? Cho nên, trong đời mạt pháp mà có người

nghe pháp môn này cho rằng rất hy hữu và tin hiểu thọ trì, người ấy đã ở trong vô lượng kiếp thừa sự chư Thánh và gieo trồng các căn lành, kết sâu được cái chánh non bát nhã, có căn tánh tối thượng. Kinh Kim Cang nói: “Người đối với chương cú này hay sanh tín tâm, nên biết người ấy đã ở chỗ vô lượng đức Phật trồng các căn lành”. Lại nói: “ Vì những hàng phát tâm Đại Thừa mà nói, vì những hàng phát tâm Tối Thượng Thừa mà nói”.

Mong các vị cầu Đạo chớ sanh tâm hèn yếu, cần phải phát tâm đồng mãnh. Cái non lành đời trước nay đâu biết được? Nếu chẳng tin mình có khả năng thù thắng thì cam làm hạ liệt rồi sanh ý tưởng cho là khó khăn. Nay chẳng chịu tu, dù có thiện căn đời trước, hiện nay đoạn tuyệt. Càng ở trong cái khó kia lần lượt thành xa vậy.

Nay đã đến núi châu báu chẳng lẽ trở về tay không. Một phen mất thân người muôn kiếp khó tìm lại. Mong phải cẩn thận đó!

Há lại có người biết núi châu báu kia mà chẳng cần nó, rồi lại hằng oán trách mình nghèo khó ư?

Nếu muốn được châu báu thì đừng tiếc thân này.



MỤC LỤC

1. Lời Giới Thiệu.
2. Tiểu Sử Thiền Sư Phổ Chiếu.
3. Chơn Tâm Trục Thuyết.
4. Tu Tâm Quyết.

